

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 9/2023/CV-Cty đề ngày 06/9/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Chăn nuôi Ea Súp về việc đề nghị phê duyệt cấp giấy phép môi trường của Khu trại chăn nuôi lợn thịt thuộc dự án “Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp kết hợp trồng cây công nghiệp, nông nghiệp” tại xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk và hồ sơ nộp bổ sung ngày 15/9/2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 288/TTr-STNMT ngày 20/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Chăn nuôi Ea Súp, địa chỉ tại tiểu khu 206, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của hạng mục Khu trại chăn nuôi lợn thịt thuộc Dự án Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp kết hợp trồng cây công nghiệp, nông nghiệp tại tiểu khu 206, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk (Khu trại chăn nuôi lợn thịt với diện tích 264.798,3m² và hạng mục công trình có phát sinh chất thải tương ứng thuộc Khu trại chăn nuôi lợn thịt) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp kết hợp trồng cây công nghiệp, nông nghiệp.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tiểu khu 206, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 6001659413 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp; đăng ký lần đầu ngày 04/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/02/2023.

1.4. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2904/QĐ-UBND do UBND tỉnh cấp lần đầu ngày 18/10/2021.

1.5. Mã số thuế: 6001659413.

1.6. Loại hình sản xuất: Chăn nuôi lợn công nghiệp kết hợp trồng cây công nghiệp, nông nghiệp.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công).

- Tổng diện tích thực hiện dự án là 946.637m²; trong đó, diện tích thực hiện Khu trại chăn nuôi lợn thịt là 264.798,3m².

- Quy mô, công suất: Dự án Trại trại chăn nuôi lợn kết hợp trồng cây công nghiệp, nông nghiệp với quy mô công suất 3.600 con lợn nái, 24.000 con lợn thịt/lứa (tương đương 46.560 con lợn thịt/năm, đã trừ số lượng có thể chết do bệnh 3%), trồng cây công nghiệp, nông nghiệp với diện tích 446.637 m². Trong đó, giai đoạn hiện hữu đã triển khai thực hiện gồm:

+ Khu trại chăn nuôi lợn thịt công suất 24.000 lợn thịt/lứa (đã xây dựng hoàn thành các hạng mục phục vụ chăn nuôi và các hạng mục phát sinh chất thải tương ứng).

- Hình thức chăn nuôi: Áp dụng mô hình chăn nuôi chuồng lạnh và kín; chăn nuôi gia công với Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, chất thải nguy hại, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Chăn nuôi Ea Súp:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Chăn nuôi Ea Súp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ea Súp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Ea Súp;
- Công ty CP Đầu tư và Chăn nuôi Ea Súp
(Địa chỉ: TK206, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (H. 06 b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà nghỉ công nhân, nhà bảo vệ, nhà kỹ thuật (bao gồm: nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; nước thải từ hoạt động tắm rửa).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn (nước thải từ khu vực nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ).

1.2. Nước thải chăn nuôi:

- Nguồn số 03: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ công đoạn vệ sinh chuồng trại và nước tiểu của lợn.

- Nguồn số 04: Nước thải chăn nuôi từ máy ép phân.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của lò đốt xác lợn chết thông thường (phát sinh khoảng 6 tháng/lần).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý được lưu chứa tại 02 hồ chứa nước thải sau xử lý để tái sử dụng cho hoạt động vệ sinh chuồng trại và tưới cho diện tích cây xanh trong khuôn viên Khu trại chăn nuôi lợn thịt và diện tích đất trồng cây công nghiệp, nông nghiệp của Dự án.

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải:

Không có.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất được tái sử dụng:

Lưu lượng nước thải lớn nhất được tái sử dụng $400\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, tương đương $16,6\text{ m}^3/\text{giờ}$. Trong đó:

- Tái sử dụng vào mục đích vệ sinh chuồng trại lớn nhất $240\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Tái sử dụng vào mục đích tưới tiêu lớn nhất $160\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức tái sử dụng:

- Nước thải sau xử lý được bơm theo giờ và lưu chứa tại hồ chứa nước thải sau xử lý và tái sử dụng cho hoạt động vệ sinh chuồng trại, tưới cho diện tích cây xanh trong khuôn viên Khu trại và diện tích đất trồng cây công nghiệp, nông nghiệp của Dự án.

- Chế độ tái sử dụng nước thải: Không liên tục.

2.3.2. *Chất lượng nước thải trước khi tái sử dụng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột A và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH ⁽¹⁾	-	6 – 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	COD ⁽¹⁾	mg/l	100		
3	BOD ₅ (20 ⁰ C) ⁽¹⁾	mg/l	40		
4	Tổng chất rắn lơ lửng ⁽¹⁾	mg/l	50		
5	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/l	50		
6	Clorua ⁽²⁾	mg/l	≤ 600		
7	Asen ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,1		
8	Cadimi ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,01		
9	Crom tổng số ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,5		
10	Thủy Ngân ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,002		
11	Chì ⁽²⁾	mg/l	≤ 0,05		
12	E.coli ⁽²⁾	MPN/100ml	≤ 200		
13	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN/100ml	3.000		

Ghi chú: ⁽¹⁾ : Giá trị giới hạn theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột A); ⁽²⁾: Giá trị giới hạn theo QCVN 01-195:2022/BNNPTNT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (10 nhà vệ sinh) được thu gom bằng đường ống PVC D114mm về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, theo đường ống PVC D114mm và đường ống bê tông D200mm về hố thu gom nước thải tập trung sau đó được dẫn về hồ biogas để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải tắm rửa (08 nhà tắm) được thu gom bằng đường ống PVC D114mm, đường ống bê tông D200mm về hố thu gom nước thải tập trung sau đó được dẫn về hồ biogas để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải từ nhà ăn (01 nhà ăn) được thu gom bằng đường ống PVC D90mm dẫn về bể tách mỡ để xử lý, theo đường ống PVC D114mm, đường ống BTCT D200mm về hố thu gom nước thải tập trung sau đó được dẫn về hồ biogas để tiếp tục xử lý.

- Nước thải chăn nuôi:

+ Nước thải từ dãy chuồng nuôi (24 dãy chuồng nuôi) được thu gom bằng hệ thống mương bê tông dạng hở (gồm: mương thoát nước đầu nhà kích thước: 0,2m x 0,1m, dài 192m; mương thoát nước cuối nhà kích thước: 0,2m x 0,25m, dài 192m) dẫn về các hố xả nước thải được xây dựng tại mỗi chuồng nuôi (kích thước: 0,9m x 0,4m x 0,96m; số lượng: 120 cái, kết cấu: xây bằng gạch, bê tông chống thấm). Nước thải theo đường ống BTCT D200mm dẫn về hố thu gom nước thải tập trung (kích thước: 10m x 4m x 4m, kết cấu: xây bằng gạch, bê tông chống thấm), tại đây lượng phân nổi lên phía trên được bơm về máy ép phân để ép tách nước, lượng nước thải lắng phía dưới được bơm về 2 hồ biogas để xử lý.

+ Nước thải từ máy ép phân theo đường ống nhựa D 90mm dẫn về 2 hồ biogas để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác lợn chết không do dịch bệnh được thu gom bằng đường ống nhựa HPDE dài 120m dẫn về hố thu gom nước thải tập trung với tần suất 6 tháng/lần.

Nước thải từ hồ biogas được chuyển qua hồ lắng và bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

- Bể tự hoại 3 ngăn:

+ Số lượng 05 bể, kích thước 1 bể: 3,22m x 1,5m x 2,15m, dung tích 10 m³; kết cấu: xây bằng gạch, chống thấm 2 lớp bên trong.

+ Quy trình xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Bùn thải từ bể tự hoại định kỳ 6 tháng/lần được thu gom về máy ép phân, tách nước và ủ cùng với phân lợn để làm phân bón cho cây.

- Bể tách mỡ:

+ Số lượng: 02 bể; thể tích 5,0 m³, kích thước: 3,42m x 1,0m x 1,5m; kết cấu: xây bằng gạch, chống thấm hai lớp bên trong.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà bếp → bể tách mỡ (gồm 3 ngăn tách mỡ và lắng cặn) → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

b) Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày đêm.

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Hố thu gom → Hồ biogas A/B → Hồ lắng → Cụm bể tripping → Bể trung gian 1 → Bể keo tụ - tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 + 2 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 3 → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 2 → Bể keo tụ - tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Bể lọc áp lực → 02 hồ chứa nước thải sau xử lý.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H₂SO₄, PAC, polimer, NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.2 Phần A).

- Các hạng mục công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

+ Hồ thu gom: Số lượng: 01, dung tích 160 m³, kết cấu bê tông cốt thép.

+ Hồ biogas: Số lượng 02, dung tích mỗi hồ: 12.281 m³; kết cấu: lót đáy và phủ bạt HDPE. Thiết bị: Bơm nước thải (số lượng 01 bộ).

+ Hồ lắng: Số lượng 02, dung tích mỗi hồ: 6.013 m³; kết cấu: lót đáy HDPE. Thiết bị: bơm nước thải (số lượng 02 bộ), phao kiểm soát mực nước (số lượng 01 bộ).

+ Cụm bể tripping, gồm:

- Bể nâng pH: Số lượng: 01; dung tích 22,4 m³; kết cấu bê tông cốt thép.

- Tháp tripping: Số lượng: 01; dung tích 37,5 m³; kết cấu bê tông cốt thép.

- Bể hạ pH: Số lượng: 01; dung tích 22,4 m³; kết cấu bê tông cốt thép.

- Thiết bị: Bơm định lượng hóa chất (số lượng 03 bộ), thiết bị kiểm soát pH tự động (số lượng: 02 bộ), quạt ly tâm (số lượng 01 bộ), giá thể khuếch tán (số lượng 10 m³), bơm nước thải (số lượng 02 bộ), bồn chứa hóa chất (số lượng 02 bộ).

+ Bể trung gian 1: Số lượng: 01; dung tích 14,53 m³; kết cấu bê tông cốt thép.

+ Bể keo tụ - tạo bông 1, gồm:

- Bể keo tụ: Số lượng: 01; dung tích 13,25 m³; kết cấu bê tông cốt thép.

- Bể tạo bông: Số lượng: 01; dung tích 13,25 m³; kết cấu bê tông cốt thép.

- Thiết bị: Motor khuấy bể keo tụ (số lượng 01 bộ); motor khuấy bể tạo bông (số lượng 01 bộ); bộ trục và cánh khuấy (số lượng 02 bộ); thiết bị hướng dòng - ống trung tâm (số lượng 01 bộ); bơm chìm (số lượng 01 bộ); máng thu nước răng cưa (số lượng 1 bộ); bơm định lượng hóa chất (số lượng 03 bộ); bồn chứa hóa chất (số lượng 03 bộ).

+ Bể lắng hóa lý 1: Số lượng: 01; dung tích 110 m³; kết cấu bê tông cốt thép. Thiết bị: Bơm bùn (số lượng 01 bộ).

+ Bể thiếu khí 1, 2: Số lượng mỗi bể: 01; dung tích mỗi bể 502,2 m³; kết cấu bê tông cốt thép. Thiết bị: Máy khuấy (số lượng 08 bộ); bộ trục và cánh khuấy (số lượng 08 bộ).

+ Bể hiếu khí 1, 2, 3: Số lượng mỗi bể: 01; dung tích mỗi bể 502,2 m³, kết cấu bê tông cốt thép. Thiết bị: Máy thổi khí (số lượng 02 bộ); Đĩa phân phối khí tinh (số lượng 280 bộ); bơm nước thải (số lượng 02 bộ).

+ Bể lắng sinh học: Số lượng: 01; dung tích 220,5 m³; kết cấu bê tông cốt thép. Thiết bị: Thiết bị hướng dòng - ống trung tâm (số lượng 01 bộ); máng thu nước răng cưa (số lượng 01 bộ); bơm chìm (số lượng 02 bộ); hệ thống thu bùn nổi (số lượng 06 bộ).

+ Bể trung gian 2: Số lượng: 01; dung tích 19,8 m³; kết cấu bê tông cốt thép.

+ Bể keo tụ - tạo bông 2, gồm:

- Bể keo tụ: Số lượng: 01; dung tích 19,8 m³; kết cấu bê tông cốt thép.

- Bể tạo bông: Số lượng: 01; dung tích 19,8 m³; kết cấu bê tông cốt thép.

- Thiết bị: Motor khuấy bể keo tụ (số lượng 01 bộ); motor khuấy bể tạo bông (số lượng 01 bộ); bộ trục và cánh khuấy (số lượng 02 bộ); thiết bị hướng dòng - ống trung tâm (số lượng 01 bộ); bơm chìm (số lượng 01 bộ); máng thu nước răng cưa (số lượng 01 bộ).

- + Bể lắng hóa lý 2: Số lượng: 01; dung tích 99,4 m³; kết cấu bê tông cốt thép. Thiết bị: bơm bùn (số lượng 01 bộ).

- + Bồn lọc áp lực: Số lượng 01. Thiết bị: Bơm lọc (số lượng 02 bộ); vật liệu lọc (số lượng 01 hệ).

- + Bể khử trùng: Số lượng: 01; dung tích 91 m³; kết cấu bê tông cốt thép. Thiết bị: Bơm lọc áp lực (số lượng 02 bộ); bơm định lượng hóa chất (số lượng 02 bộ); bồn chứa hóa chất (số lượng 02 bộ).

- + Hồ chứa nước thải: Số lượng 02 hồ; dung tích mỗi hồ 7.524 m³; kết cấu lót bạt HDPE.

- Bùn từ hồ biogas (phát sinh khoảng 3,5 tấn/lần thu gom) được thu gom 3 tháng/lần về khu vực máy ép phân, tách nước và ủ cùng bùn từ bể tự hoại, bùn từ hệ thống xử lý nước thải để làm phân bón cho cây.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được đưa về bể chứa bùn (thể tích 107,8 m³; kết cấu bê tông cốt thép) và sân phơi bùn (kích thước 25,1 m x 5 m x 1,5 m; kết cấu bê tông cốt thép, được xây dựng đồng bộ với hệ thống xử lý nước thải) để lưu chứa; định kỳ 3 tháng/lần thực hiện thu gom, ủ cùng với phân lợn, bùn từ hồ biogas làm phân bón cho cây.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn, thoát nước, máy móc, thiết bị và có biện pháp khắc phục sự cố rò rỉ, tắc nghẽn đặc biệt là vào mùa mưa. Trang bị thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung như máy thổi khí, máy bơm.

- Xây dựng bờ bao xung quanh các hồ xử lý nước thải đúng kỹ thuật, tạo rãnh thoát nước mưa xung quanh các hồ, bề của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, gia cố các hồ xử lý nước thải, hồ chứa nước thải sau xử lý; kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý nhằm phát hiện kịp thời sự cố vận hành không đạt hiệu quả để có biện pháp sửa chữa kịp thời.

- Lập và ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện các sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, nước thải sẽ được bơm và lưu chứa tại hồ sự cố (thể tích 1.320m³, lót bạt HDPE chống thấm). Sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về bể tiếp nhận và điều hòa của hệ thống để xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi tái sử dụng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

6 tháng kể từ khi được cấp Giấy phép.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào và mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Chăn nuôi Ea Súp phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của hệ thống xử lý nước thải)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của khu trại đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.2 Phần A Phụ lục này. Nước thải sau xử lý chỉ được tái sử dụng cho tưới cây trồng sau khi được xử lý đạt yêu cầu để sử dụng cho tưới cây trồng và được đánh giá, công bố hợp quy theo quy định tại mục 5.2 QCVN 01-195:2022/BNNT.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường. Đảm bảo thu gom triệt để nước mưa chảy tràn qua vị trí dễ bị sạt lở, rửa trôi; thực hiện nạo vét định kỳ các mương dẫn nước mưa; bảo trì, gia cố các bể, các hồ chứa và các điểm có nguy cơ sạt lở hoặc bị xói mòn của Khu trại.

3.3. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải (có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống). Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và hệ thống thu hồi khí gas để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện, an toàn và vệ sinh lao động.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều

31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt xác lợn (công suất 30 kg/giờ, sử dụng nhiên liệu là khí gas thu hồi từ hồ biogas).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý thoát ra ngoài qua ống khói cao 6m, tọa độ vị trí xả khí thải X= 0419330; Y= 1457990 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3').

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $3.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. *Phương thức xả khí thải:* Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn (chỉ xả trong trường hợp vận hành lò đốt).

2.2.2. *Chất lượng khí thải:* Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng số	mg/Nm^3	100	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	
2	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm^3	250		
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	mg/Nm^3	250		
4	Nitơ oxit (NO_x , tính theo NO_2)	mg/Nm^3	500		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ khí thải nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ lò đốt xác lợn chết không do dịch bệnh (khí thải từ buồng đốt thứ cấp) được dẫn về thiết bị xử lý khí thải (được đầu tư đồng bộ với lò đốt) xử lý trước khi thoát ra ngoài qua ống thải chiều cao 6m, đường kính 0,3m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → cyclon → tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch hấp thụ có chứa NaOH, Ca(OH)_2) → ống thải.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, Ca(OH)_2 (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

- Hệ thống xử lý khí thải đi kèm lò đốt. Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý được thoát ra ngoài qua ống thải cao 6m, đường kính 0,3m. Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý với tần suất 6 tháng/lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi các thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp lò đốt bị sự cố; trong thời gian sửa chữa lò đốt, nếu phát sinh nguồn thải, Công ty vận chuyển về hố hủy xác để xử lý lượng chất thải này. Công trình hố hủy xác được bố trí tại khu vực phía Tây Nam của Khu trại, có diện tích 36 m^2 (kích thước: $6\text{m} \times 6\text{m} \times 4\text{m}$); được chia thành 2 ngăn riêng biệt, mỗi ngăn có diện tích 18 m^2 ; trên bề mặt mỗi ngăn, xây dựng nắp hầm cao hơn với bề mặt tự nhiên 1m, để thuận tiện cho thao tác đưa xác lợn vào hố và tránh nước mưa chảy vào hố; Xung quanh khu vực hố hủy xác được bọc lưới có mắt lưới nhỏ để chống côn trùng cắn cắn biển cảnh báo.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thu gom triệt để khí phát sinh từ hầm biogas để làm nhiên liệu đốt tại lò đốt của Khu trại, khí gas dư thừa được đốt bỏ theo quy định, không được xả trực tiếp ra ngoài môi trường.

3.3. Các nguồn phát sinh bụi và khí thải khác (tại khu vực chăn nuôi, khu vực lưu chứa chất thải rắn, khu vực xử lý nước thải, khu vực nhà ép phân, kho chứa phân...) phải được kiểm soát, đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình, biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi phát sinh từ hoạt động của Trang trại.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	15
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	03
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	30
4	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	45
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	25
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	50
7	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất (thuốc thú y)	18 01 04	100
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	25
Tổng số lượng			293

Ngoài ra, khi có dịch bệnh xảy ra, Khu trại sẽ có phát sinh lợn chết do dịch bệnh (mã CTNH 14 02 01); khối lượng chất thải cần xử lý tùy thuộc vào lượng lợn chết cần tiêu hủy.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Phân lợn (sau ép)	5,92 tấn/ngày
2	Bùn thải từ hồ biogas	3,5 tấn/lần hút bùn
3	Bùn thải từ bể tự hoại	0,55 tấn/lần hút bùn
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	3,64 tấn/lần hút bùn
5	Bao bì đựng thức ăn gia súc	0,586 tấn/tháng
6	Lợn chết thông thường	6,5 tấn/tháng
7	Tro từ lò đốt	30 kg/tháng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...)	60
2	Chất thải vô cơ có khả năng tái chế (bìa carton, giấy, chai nhựa, lọ thủy tinh, kim loại,...)	15

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Các thùng nhựa dung tích 120 lít, được dán nhãn, mã CTNH.

2.1.2. *Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại:*

- Xây dựng 01 nhà kho lưu chứa tạm thời CTNH có diện tích 18,48 m²; kết cấu: nhà cấp 4, tường gạch, mái lợp tôn mạ kẽm, nền lát xi măng chống thấm và có dán biển cảnh báo, bố trí thùng chứa CTNH theo quy định.

- Kho chứa chất thải đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh tại Khu trại.

2.1.3. *Biện pháp xử lý:* Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:*

- Phân lợn, bùn thải (từ bể tự hoại, từ hồ biogas) sau khi ép tách nước và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được ủ hoai (có bổ sung chế phẩm sinh học, phân vi sinh, super lân 2%), đóng vào bao và lưu chứa.

2.2.2. *Kho lưu chứa:*

- Xây dựng nhà chứa phân và đặt máy ép phân diện tích 105 m². Kho được xây dựng theo kiểu nhà cấp 4, nền láng xi măng, tường gạch, mái lợp tôn mạ kẽm sàn nhà cao hơn nền đất 0,5m.

- Xây dựng 01 bể chứa bùn (thể tích 107,8 m³; kết cấu bê tông cốt thép) và sân phơi bùn (kích thước 25,1 m x 5 m x 1,5 m; kết cấu tường gạch, nền lát bê tông; được xây dựng đồng bộ với hệ thống xử lý nước thải) để lưu chứa bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

- Khu vực lưu chứa chất thải đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh tại Khu trại.

2.2.3. *Biện pháp xử lý:*

- Bao bì đựng thức ăn gia súc được tận dụng làm bao bì đựng phân. Trước khi tái sử dụng được sát khuẩn bằng dung dịch chlorine theo quy định.

- Bùn thải từ hồ biogas, bể tự hoại, phân lợn sau khi qua máy ép phân để tách nước, được ủ hoai (bổ sung chế phẩm sinh học, phân vi sinh, super lân 2%), đóng bao, lưu chứa tại kho chứa phân và sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được đưa về bể chứa bùn, sân phơi bùn để lưu chứa; định kỳ 3 tháng/lần tiến hành hút bùn và ủ cùng với phân lợn, bùn thải từ hồ biogas, bể tự hoại làm phân bón.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:* Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 5l, 120l.

2.3.2. *Khu vực lưu chứa:*

- Nhà lưu chứa tạm thời chất thải diện tích 18,48 m². Kết cấu nhà cấp 4, nền láng xi măng, tường gạch, mái lợp tôn mạ kẽm, có bố trí các thùng lưu chứa chất thải.

2.3.3. *Biện pháp xử lý:*

- Hợp đồng với Hợp tác xã nông nghiệp sản xuất thực phẩm An Phú để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Chất thải tái chế bán cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu trên địa bàn.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; bố trí vị trí các công trình, thiết bị đảm bảo khoảng cách an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải công nghiệp thông thường.

3.1.1. *Loại chất thải tự xử lý:* Xác lợn chết không do dịch bệnh.

3.1.2. *Khối lượng chất thải tự xử lý:* Khoảng 6,5 tấn/tháng.

3.1.3. *Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý:*

- Lò đốt hiệu INCINER8, model I8-20A, xuất xứ Nhật Bản; công suất thiết kế 30 kg/giờ; thể tích buồng đốt 0,18 m³; nhiệt độ hoạt động buồng đốt sơ cấp 850°C; nhiệt độ hoạt động buồng đốt thứ cấp 1.320°C; nhiên liệu sử dụng là khí gas thu hồi từ hồ biogas.

- Quy trình vận hành: Xác lợn chết không do dịch bệnh → Buồng đốt sơ cấp → Buồng đốt thứ cấp → Tro xỉ; Khí thải chứa hơi khí độc → Cyclon → Tháp hấp thụ → ống khói cao 6m.

- Tro từ lò đốt xác lợn chết được thu gom và làm phân bón cho cây. Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải định kỳ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung 6 tháng/lần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành lò đốt; hệ thống xử lý nước thải; sự cố bục vỡ đường ống, hệ thống thu hồi khí biogas; sự cố do cháy nổ và sự cố về dịch bệnh trên lợn.

2. Bố trí đường vận chuyển lợn, vận chuyển chất thải riêng biệt; bảo đảm yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường, đồng thời thuận lợi trong việc ra vào, giám sát các công trình xử lý chất thải của Khu trại.

3. Bố trí khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh (Diện tích 2 ha tại khu vực trồng cây xanh phía Tây Nam của Khu trại; vị trí thực hiện phải đảm bảo cuối hướng gió, có cắm biển báo vị trí thực hiện).

4. Thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các yêu cầu nêu tại Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 43/GP-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh.

5. Công ty có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

1. Đã hoàn thành các công trình, hạng mục công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Khu trại chăn nuôi lợn thịt công suất 24.000 con/lứa đã được phê duyệt tại Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp kết hợp trồng cây công nghiệp, nông nghiệp” tại xã Ya Tô Mốt, huyện Ea Súp. Một số nội dung thay đổi (liên quan đến hạng mục Khu trại chăn nuôi lợn thịt công suất 24.000 con/lứa) so với Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Khu trại.

2. Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc hạng mục Khu trại chăn nuôi lợn nái công suất 3.600 con; trồng cây công nghiệp, nông nghiệp của Dự án đã được phê duyệt trong Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh mà Công ty tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường bao gồm các nội dung sau:

2.1. Tiếp tục xây dựng hoàn thành hạ tầng hạng mục Khu trại chăn nuôi lợn nái công suất 3.600 con; thực hiện trồng cây công nghiệp, nông nghiệp (diện tích 446.637m²) của Dự án theo quy định.

2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 02 Bể tự hoại 3 ngăn (Thể tích 10 m³/bể).
- Công trình xử lý nước thải chăn nuôi: Hệ thống thu gom nước thải (Đường ống PVC D200 mm); Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất 300m³/ngày đêm tại trại chăn nuôi lợn nái.
- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.
- Máy tách và ép phân, ép bùn, công suất 10m³/giờ.
- Nhà ủ phân và kho phân (Diện tích 450 m² và 210 m²) gồm có: khu ủ phân, khu chứa phân, mương thu gom nước phân rỉ ra.
- Nhà lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại (Diện tích 21m²; trang bị các thùng chứa có nắp đậy, mỗi thùng chứa có dán nhãn, mã số chất thải nguy hại).
- Bố trí diện tích đất dự phòng khoảng 1ha thuộc khu vực cây xanh phía Đông Nam Khu trại chăn nuôi lợn nái để bố trí hồ chôn lấp, tiêu hủy lợn chết (Lợn

chết do dịch bệnh), đảm bảo các quy định về vệ sinh dịch tễ và môi trường. Vị trí chôn lấp cuối hướng gió, cách chuồng nuôi ít nhất 50m.

- Trồng và duy trì cây xanh trong khu vực Dự án, bao gồm: diện tích cây xanh tạo khoảng cách ly, trồng dọc theo hàng rào bao quanh Dự án và thảm cỏ trong khuôn viên dự án. Trồng và duy trì diện tích 446.637m² đất trồng cây công nghiệp, nông nghiệp trong khuôn viên Dự án.

2.3. Các yêu cầu và biện pháp bảo vệ môi trường:

2.3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

2.3.1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa: Xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa được thu gom → Hệ thống mương dẫn (Mương bằng bê tông, trên mương dẫn có bố trí hố ga) → Thoát về mương đào dọc quanh khuôn viên Dự án → Thoát về suối Ea Súp cách 1,2km về phía Đông của Dự án.

+ Nước mưa trên mái (khu vực nhà ở công nhân, khu chăn nuôi và các công trình phụ trợ khác): Thu gom vào các ống PVC D90 mm → Hệ thống mương dẫn → hồ chứa nước mưa (thể tích 10.770m³).

+ Nước mưa chảy tràn trên sân và đường nội bộ: Thu gom → Hệ thống mương dẫn.

+ Nước mưa chảy tràn tại các khu vực đất trống, khu vực trồng cây xanh: chảy theo địa hình và tự thấm vào đất.

- Mương dẫn, hố ga sẽ được nạo vét định kỳ để loại bỏ rác, cặn lắng.

2.3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải

- Quy trình thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt (Lưu lượng khoảng 15 m³/ngày): Nước thải được thu gom, xử lý sơ bộ (Nước thải nhà vệ sinh xử lý qua Bể tự hoại 3 ngăn; Nước thải sinh hoạt từ hoạt động khác như tắm, giặt được thu gom, qua song chắn rác) → Hồ điều hòa → hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ chuồng trại chăn nuôi (Lưu lượng 196,1 m³/ngày) thu gom cùng với một phần chất thải chăn nuôi → Ống dẫn PVC D200 mm (bố trí dọc các dãy chuồng nuôi) → Bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Hệ thống ống dẫn thu gom nước thải từ khu vực chuồng nuôi đến bể thu gom (ống nhựa PVC D200 mm); thiết kế tạo độ dốc, chảy tự nhiên; đảm bảo dễ thoát nước và không trùng với đường thoát nước khác.

- Quy trình xử lý nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm:

Nước thải phát sinh từ chuồng trại chăn nuôi lợn nái → Hố thu gom → Hàm Biogas → Hồ điều hòa - lắng sơ bộ → Cụm bể tripping → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ-tạo bông → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Lọc áp lực → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) lưu chứa tại 03 hồ chứa nước thải sau xử

lý để tái sử dụng (lượng dư xả ra suối cận phía Đông Khu trại và nhập dòng chảy về suối Ea Súp).

- Hệ thống thu gom nước thải, các công trình bảo vệ môi trường được chống thấm theo quy định.

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, đảm bảo các quy định hiện hành; nước thải của quá trình chăn nuôi được xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3.2. Về xử lý bụi, khí thải, mùi hôi:

- Bê tông đường giao thông nội bộ. Trồng và duy trì diện tích cây xanh của Dự án (tổng diện tích cây xanh $109.208m^2$), bao gồm: diện tích cây xanh tạo khoảng cách ly, trồng dọc theo hàng rào bao quanh Dự án và thảm cỏ trong khuôn viên trang trại. Trồng và duy trì diện tích trồng cây công nghiệp, nông nghiệp ($446.637 m^2$); đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

- Chuồng trại được thiết kế đảm bảo thông thoáng, đúng quy chuẩn kỹ thuật. Vệ sinh chuồng trại thường xuyên, tránh lưu trữ, tồn đọng phân và nước thải trong chuồng (Định kỳ 1 ngày/lần).

- Hệ thống thu gom nước thải là ống nhựa PVC, thiết kế hệ thống có độ dốc phù hợp để tránh hiện tượng ứ đọng nước thải, gây mùi hôi.

- Sử dụng hỗn hợp enzyme (Prozyme, BioFix Soc-S) để xử lý mùi hôi tại khu vực chuồng trại; sử dụng chế phẩm EM Pro-1 để xử lý mùi hôi tại hệ thống xử lý nước thải; sử dụng thiết bị (dung dịch hấp thụ H_2S , NH_3) khu vực lưu chứa, xử lý chất thải của Dự án.

- Định kỳ phun thuốc sát trùng, diệt muỗi và côn trùng xung quanh khu chăn nuôi (tần suất 02 lần/tuần) theo đúng quy trình chăn nuôi lợn an toàn sinh học, vệ sinh thú y.

- Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải thông qua thiết kế các bể xử lý (đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường); đồng thời lắp đặt hệ thống thu hồi khí sinh học phát sinh từ hầm biogas để xử lý.

- Khí thải phát sinh từ hầm biogas được thu gom (Bằng các ống thu khí, có lắp đặt đồng hồ đo áp suất và van tự xả, qua hệ thống lọc khí, túi chứa khí) và được sử dụng để vận hành lò đốt xác lợn chết.

- Xây tường rào (cao 2,0 m) bao quanh khu vực chăn nuôi và các công trình phụ trợ; trồng cây xanh dọc theo hàng rào bao quanh Dự án để tạo hành lang cách ly Dự án với khu vực xung quanh.

2.3.3. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy đặt tại nhà ở của công nhân, nhà ăn. Định kỳ chôn lấp hợp vệ sinh trong khuôn viên dự án theo quy định. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi: Sau khi sử dụng được phun xịt sát khuẩn, lưu giữ tạm thời tại khu lưu chứa chất thải thông thường của dự án và được xử lý theo quy định về quản lý chất thải, đảm bảo vệ sinh dịch tễ theo quy định hiện hành của thú y.

- Chất thải chăn nuôi: Phân lợn phát sinh khoảng 38,1 tấn/ngày; một phần chất thải được thu gom tại chuồng nuôi, một phần được thu gom chung với nước thải chăn nuôi và chuyển về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

+ Phân lợn nái thu được sau khi xử lý sơ bộ (thu gom tại chuồng, ép phân) đem phối trộn với chất độn, lân và chế phẩm EM Pro 1 → ủ phân theo phương pháp nhiệt sinh học (tiêu độc khử trùng) khoảng 20 ngày → trộn vôi → Đóng bao, lưu giữ trong kho chứa phân → Sử dụng bón cho diện tích cây trồng trong trang trại và hợp đồng, chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu.

- Phân bùn thu gom từ hầm Biogas: Được thu gom định kỳ (3 tháng/1 lần) → Ép bùn → Nhà ủ phân và ủ cùng phân lợn → Đóng bao và lưu giữ trong Kho phân → Sử dụng làm phân bón cho cây xanh của Dự án hoặc hợp đồng, chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu.

- Nhà ủ phân (Diện tích 450m²) được đặt ở phía Đông Bắc chuồng nuôi, cách khu vực chuồng nuôi khoảng 30m; Kho phân (Diện tích 210m²) đặt ở phía Bắc chuồng nuôi lợn, cách khu vực chuồng nuôi ít nhất 30m.

- Chất thải chăn nuôi được vận chuyển theo đường vận chuyển riêng (Công phụ), đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh dịch tễ và môi trường theo quy định.

- Lợn chết không do dịch bệnh: được thu gom, đưa vào tiêu hủy tại lò đốt xác lợn chết, tiêu hủy theo quy định hiện hành về vệ sinh dịch tễ. Lò đốt xác lợn chết được đặt tại nhà xử lý xác lợn chết có diện tích là 35,0 m². Công suất lò đốt xác lợn: 30 kg/giờ.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: thu gom định kỳ; được phân định, phân loại và quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Yêu cầu: Chất thải rắn chăn nuôi trước khi đưa ra ngoài Dự án phải được xử lý, đảm bảo vệ sinh dịch tễ và các quy định về thu gom, vận chuyển chất thải.

2.3.4. Về biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bố trí nhà lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; trang bị các thùng chứa nắp đậy, mỗi thùng chứa có dán mã số chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Lợn chết do dịch bệnh (Mã số CTNH 14 02 01): Áp dụng đúng biện pháp xử lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y; Tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 “Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn” và Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

2.3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Khu vực tiêu hủy lợn chết:

+ Bố trí diện tích đất dự phòng khoảng 1ha thuộc khu vực cây xanh phía Đông Nam trang trại chăn nuôi lợn nái để bố trí hố chôn lấp, tiêu hủy lợn chết (Lợn chết do dịch bệnh), đảm bảo các quy định về vệ sinh dịch tễ và môi trường; Vị trí chôn lấp cuối hướng gió, cách chuồng nuôi ít nhất 50m.

+ Thực hiện chôn lấp, tiêu hủy xác lợn chết thông thường theo quy định tại Phụ lục 06 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT. Trong trường hợp gia súc bị bệnh dịch truyền nhiễm nguy hiểm, phải xử lý, tiêu hủy theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật và quy định của Luật Thú y, Luật Bảo vệ môi trường.

- Áp dụng các nguyên tắc, quy định về phòng chống dịch bệnh và an toàn vệ sinh môi trường trong chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật cạn.

- Hồ sự cố để lưu chứa tạm thời nước thải trong thời gian hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, cần kiểm tra, sửa chữa. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, sẽ tiến hành lưu giữ nước thải tại hồ này (không cho xả thải ra môi trường), sau đó được bơm trở lại bể trung gian 1 của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Khí gas phát sinh từ hầm biogas được thu gom (Bằng các ống thu khí, có lắp đặt đồng hồ đo áp suất và van tự xả, qua hệ thống lọc khí, túi chứa khí) và được sử dụng để vận hành lò đốt xác lợn chết không do dịch bệnh.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, xử lý nước thải; thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa phù hợp với địa hình và yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo thu gom triệt để nước mưa chảy tràn qua vị trí dễ bị sạt lở, rửa trôi; thực hiện nạo vét định kỳ các mương dẫn nước mưa, gia cố các điểm có nguy cơ sạt lở hoặc bị xói mòn của Dự án.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện, an toàn và vệ sinh lao động.

- Yêu cầu: Bố trí khu vực chuồng nuôi; khu vực lưu chứa, xử lý chất thải; đường vận chuyển chất thải đảm bảo khoảng cách an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật chăn nuôi.

3. Sau khi đã hoàn thành hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án, Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Việc tái sử dụng nước thải của Trang trại phải tuân thủ các quy định cụ thể cho từng mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật. Không xả nước thải ra ngoài môi trường.

3. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn điện, hóa chất, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.